

Số: 13/2022/NQ-HĐND

Bắc Ninh, ngày 09 tháng 12 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

**V/v Quy định mức thu, miễn, giảm lệ phí hộ tịch
trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH
KHÓA XIX, KỲ HỌP THỨ 10**

- Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;
Căn cứ Luật Hộ tịch ngày 20 tháng 11 năm 2014;
Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;
Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí;
Căn cứ Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2020 về việc thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;
Căn cứ Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ quy định về cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;
Căn cứ Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
Căn cứ Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26 tháng 11 năm 2021 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
Căn cứ Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số

87/2020/NĐ-CP ngày 28 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ quy định về cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;

Xét Tờ trình số 517/TTr- UBND ngày 24 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị ban hành Nghị quyết quy định mức thu, miễn, giảm lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh; Báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế và ý kiến thảo luận của đại biểu.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định mức thu, miễn, giảm lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

2. Đối tượng áp dụng

a) Đối tượng nộp lệ phí: Cá nhân được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết các việc về hộ tịch theo quy định của pháp luật về đăng ký hộ tịch.

b) Cơ quan thu lệ phí: Ủy ban nhân dân cấp huyện; Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn tỉnh.

c) Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc thu, nộp lệ phí hộ tịch.

Điều 2. Mức thu lệ phí hộ tịch

STT	Nội dung thu	Mức thu (đồng/trường hợp)
1. Mức thu áp dụng đối với việc đăng ký hộ tịch tại Ủy ban nhân dân cấp xã		
a)	Đăng ký khai sinh không đúng hạn, đăng ký lại khai sinh, đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	8.000
b)	Đăng ký khai tử không đúng hạn, đăng ký lại khai tử	8.000
c)	Đăng ký lại kết hôn	30.000
d)	Đăng ký nhận cha, mẹ, con	15.000
đ)	Thay đổi, cải chính hộ tịch cho người chưa đủ 14 tuổi ở trong nước; Bổ sung hộ tịch cho công dân Việt Nam cư trú ở trong nước	15.000

STT	Nội dung thu	Mức thu (đồng/trường hợp)
e)	Cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	15.000
g)	Xác nhận hoặc ghi vào Sổ hộ tịch các việc hộ tịch khác; đăng ký hộ tịch khác	8.000
2. Mức thu áp dụng đối với việc đăng ký hộ tịch tại Ủy ban nhân dân cấp huyện		
a)	Đăng ký khai sinh đúng hạn, không đúng hạn, đăng ký lại khai sinh, đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	75.000
b)	Đăng ký khai tử đúng hạn, không đúng hạn, đăng ký lại khai tử	75.000
c)	Đăng ký kết hôn mới, đăng ký lại kết hôn	1.500.000
d)	Đăng ký giám hộ, chấm dứt giám hộ	75.000
đ)	Đăng ký nhận cha, mẹ, con	1.500.000
e)	Thay đổi, cải chính hộ tịch cho người từ 14 tuổi trở lên cư trú ở trong nước; Thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch có yếu tố nước ngoài; xác định lại dân tộc	28.000
g)	Ghi vào Sổ hộ tịch việc hộ tịch của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài; đăng ký hộ tịch khác	75.000

Mức thu lệ phí nêu trên đã bao gồm chi phí biểu mẫu hộ tịch.

Điều 3. Các trường hợp được miễn, giảm thu lệ phí hộ tịch

1. Trường hợp được miễn thu lệ phí:

a) Đăng ký hộ tịch cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.

b) Đăng ký khai sinh đúng hạn, khai tử đúng hạn; đăng ký giám hộ, chấm dứt giám hộ; đăng ký kết hôn của công dân Việt Nam cư trú ở trong nước, thực hiện tại Ủy ban nhân dân cấp xã.

2. Trường hợp được giảm mức thu lệ phí:

Cá nhân thực hiện đăng ký hộ tịch qua dịch vụ công trực tuyến được áp dụng mức thu bằng 50% mức thu quy định tại Điều 2 Nghị quyết này.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này. Hằng năm báo cáo kết quả thực hiện tại kỳ họp thường lệ của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm đôn đốc, giám sát, kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Ninh khóa XIX, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 09 tháng 12 năm 2022, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 và thay thế Nghị quyết số 48/2017/NQ-HĐND18 ngày 12 tháng 4 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quy định mức thu, quản lý và sử dụng lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh. /

Nơi nhận:

- Ủy ban TVQH; Chính phủ (để b/c);
- Bộ Tài chính (Vụ Pháp chế);
- Cục Kiểm tra VBQPPL, Bộ Tư pháp;
- TTTU, HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn đại biểu QH tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- VP: Tỉnh ủy, UBND tỉnh;
- Các Sở, Ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Các cơ quan TW đóng trên địa bàn tỉnh;
- HU, Thành ủy; TT.HĐND, UBND các huyện, TP;
- Công báo; Đài PTTH; Báo BN, Cổng TTĐT tỉnh; TTXVN tại BN;
- Lưu: VT, CVP, phòng CTHĐND

CHỦ TỊCH



Nguyễn Quốc Chung